

### DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

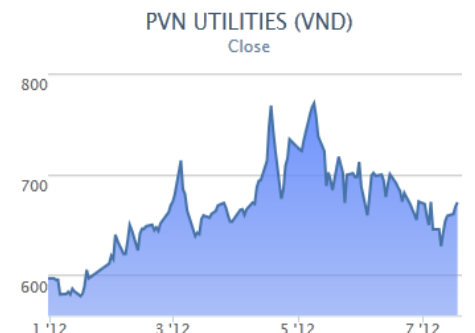
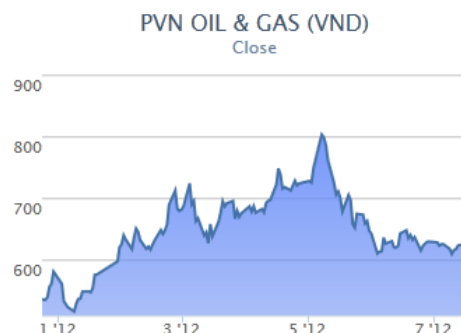
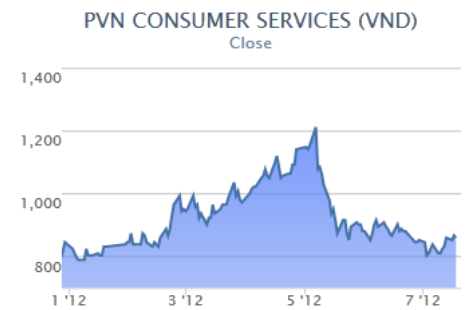
www.pvnindex.vn

#### Chỉ số Đại diện



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	805.08	↓-2.74	↓ -0.34
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	678.72	↑2.06	↑ 0.3
PVN ALLSHARE	661.17	↑2.02	↑ 0.31
PVN ALLSHARE HNX	588.67	↓-8.76	↓ -1.47
PVN ALLSHARE HSX	707.13	↑3.92	↑ 0.56
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1026.09	↑11.59	↑ 1.14
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	859.15	↓-7.04	↓ -0.81
PVN Tài Chính	624.61	↑14.16	↑ 2.32
PVN Công Nghiệp	510.01	↓-6.23	↓ -1.21
PVN Dầu Khí	626.93	↑0.1	↑ 0.02
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	672.29	↑4.17	↑ 0.62

#### Chỉ số Ngành



## Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận				
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY	
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11	11

**Chỉ số Đại diện (4):** PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

**Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip):** được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

**Chỉ số Ngành (6):** Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

### Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

### Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

### Phương pháp luận

**Ngày gốc** của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

**Giá trị gốc** của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

### Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

**Cổ tức** được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

### Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

**Giới hạn tỷ trọng vốn hoá** 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### HSX:

#### Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	418.83 ↑	1.28	0.31%
KLGD (triệu ck)	44.97 ↓	-3.17	-6.58%
GTGD (tỷ đồng)	725.14 ↓	-57.52	-7.35%
Tổng cung (triệu ck)	72.56 ↓	-42.63	-37.01%
Tổng cầu (triệu ck)	84.84 ↓	-81.93	-49.13%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.02 ↓	-1.75	-36.76%
KL bán (triệu ck)	1.70 ↓	-2.24	-56.86%
Giá trị mua (tỷ đồng)	75.51 ↓	-47.28	-38.51%
Giá trị bán (tỷ đồng)	46.18 ↓	-55.36	-54.52%

### Nhận định thị trường:

Ngày 16/07, Sở GDCK TPHCM (HOSE) công bố danh sách các cổ phiếu trong rổ VN30 và tỷ lệ free float của các cổ phiếu thành phần tại kỳ xem xét thứ 2/2012. So với kỳ xem xét thứ 1 áp dụng từ 06/02/2012, thì danh sách lần này có 4 cổ phiếu đã bị loại, gồm SJS, HVG, KDH và QCG. Thay vào đó, các cổ phiếu gồm HSG, DRC, NTL và MBB chính thức được đưa vào rổ tính VN30 từ ngày 16/07.

Ngân hàng (NH) Nhà nước vừa có văn bản yêu cầu các NH tiếp tục thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng đã được giao, trường hợp có kế hoạch tăng trưởng tín dụng vượt chỉ tiêu thì báo cáo để NH Nhà nước xem xét. Việc cho phép NH được tăng trưởng tín dụng vượt chỉ tiêu diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng đầu năm 2012 đến nay rất ẻo uột. Đến ngày 30-6, tín dụng toàn hệ thống chỉ tăng 0,76% so với cuối năm 2011, thấp hơn rất nhiều so với chỉ tiêu mà NH Nhà nước đề ra là 15-17%.

Theo Reuters, HSBC đang tìm đối tác để bán hoạt động kinh doanh bảo hiểm ở Việt Nam. HSBC đang có 18% cổ phần tại Tập đoàn Bảo Việt (BVH) – tập đoàn bảo hiểm lớn nhất Việt Nam. Hiện Sumitomo Life, hãng bảo hiểm đến từ Nhật Bản, đang là đối tác tiềm năng nhất.

*Dòng tiền chủ đạo tham gia thị trường hiện tại chủ yếu tập trung mua gom mức giá thấp ở các cổ phiếu đã có hoặc có tiềm năng KQKD 6 tháng đầu năm tích cực. Yếu tố này tạo nên sự phân hóa mạnh mẽ trên thị trường, tuy nhiên nhìn chung dòng tiền tham gia thị trường vẫn còn rất yếu ớt. Vn-index hiện tại đang dao động trong khoảng 392 – 430 điểm còn HNX-Index dao động trong vùng tương ứng là 65 – 72 điểm. Trạng thái của thị trường trong giai đoạn hiện tại là trạng thái sideway, do đó NĐT cần có sự thận trọng khi HNX-Index đang ở gần kháng cự 72 điểm.*

Công Ty CPCI Dầu khí  
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội  
ĐT: (84-4) 39343888  
Fax: 393439999

## HNX:

## Nhận định thị trường:

## Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	71.03	↓ -0.37	-0.52%
KLGD (triệu ck)	26.70	↓ -13.83	-34.13%
GTGD (tỷ đồng)	259.26	↓ -110.66	-29.91%
Tổng cung (triệu ck)	49.05	↓ -0.06	-0.12%
Tổng cầu (triệu ck)	40.70	↓ -28.24	-40.97%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	0.57	↓ -0.49	-46.40%
KL bán (triệu ck)	0.54	↑ 0.00	0.62%
Giá trị mua (tỷ đồng)	7.19	↓ -7.11	-49.74%
Giá trị bán (tỷ đồng)	7.80	↓ -1.09	-12.26%



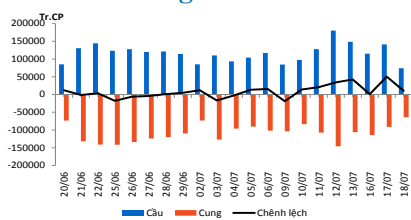
Đồ thị HNX-Index.

**Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Thanh khoản không tăng mạnh, chỉ số đang trong giai đoạn sideway sau khi phá vỡ xu thế giảm. NĐT cần có sự thận trọng khi HNX-Index tiến tới gần kháng cự 72 điểm.**

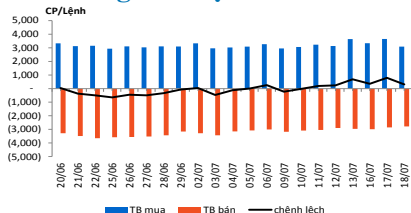
- Thoát khỏi xu thế giảm ngắn hạn trong một vài phiên trước đó, tuy nhiên điều đó không có nghĩa là HNX-Index sẽ tăng điểm ngay. Với mức thanh khoản thấp như hiện tại HNX-Index chỉ ở trạng thái sideway trong vùng 65 – 72 điểm, mà nguy cơ giảm trở lại sẽ khá cao khi mà chỉ số vừa phải tăng một đợt sóng khá mạnh để thoát khỏi xu thế giảm.
- Khoảng dao động của HNX-Index được đánh dấu trong khung trên hình vẽ, tạm thời nếu thanh khoản duy trì mức 35 – 50 triệu đơn vị/phiên thì có thể coi đây là khoảng dao động tích lũy. Tuy nhiên một số phiên giảm mạnh có thể xuất hiện trong phạm vi dao động này.
- NĐT cần có sự thận trọng khi HNX-index đã tăng nhiều phiên và hiện đang ở gần kháng cự mạnh tại 72 điểm. Sức cầu có cải thiện nhưng vẫn duy trì mức yếu như hiện tại cho thấy kì vọng về đợt sóng tăng chưa thể diễn ra ngay.

**HSX:**

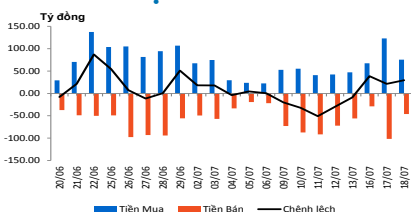
**Cung cầu**



**Trung bình lệnh mua/bán**



**Giao dịch NĐTNN**



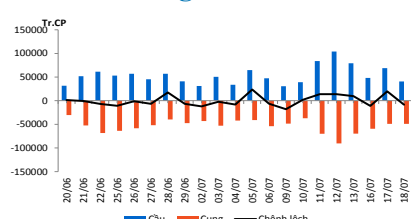
**Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Phiên buổi sáng trên HOSE, hoạt động bán ra cũng được đẩy mạnh. Trong khi đó lực cầu có dự định “đón lõng” tại một số cổ phiếu dự báo có KQKD quý 2 khả quan giúp một số mã như DPM, HAG, REE, SAM, PVF, PVT duy trì được đà tích cực hiếm hoi. VNE và SBS tiếp tục thu hút dòng tiền đầu cơ và tiến đến thêm một phiên tăng trần.

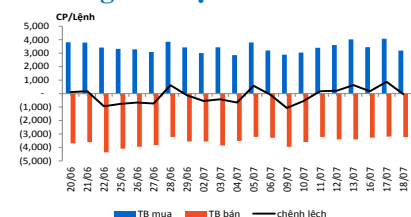
Trên HOSE, nhóm cổ phiếu đầu cơ tăng mạnh gần đây như chứng khoán, bất động sản, khai khoáng... không còn thu hút lực cầu giá cao mà thay vào đó là hoạt động chốt lời và chỉ còn tăng nhẹ hoặc giảm. Dòng tiền có khuynh hướng tiếp tục đơn đầu một số công ty dự kiến có KQKD quý 2 tích cực nhưng chưa công bố thông tin như DPM, HAG, PVF, PVT, REE, SAM... Trong khi đó, SBS và VNE vẫn tiếp tục hút dòng tiền đầu cơ cao độ. VN-Index cuối phiên tăng nhẹ 0.21% lên 418 điểm. Khối lượng đứng ở mức trung bình 34 triệu đơn vị, giảm nhẹ gần 5% so với hôm qua.

**HNX:**

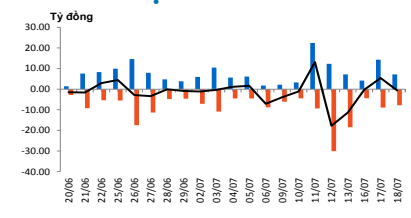
**Cung cầu**



**Trung bình lệnh mua/bán**



**Giao dịch NĐTNN**



**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Phiên giao dịch buổi sáng, các cổ phiếu đầu như VND, BVS, SHS, VCG, PVX, SHB, KLS, HBB đã bị bán ra khá mạnh. HNX-Index trong suốt phiên sáng chỉ dao động quanh tham chiếu, và đã giảm mạnh dần lên về cuối buổi. Trong các cổ phiếu đầu cơ chỉ có APS vẫn còn lực cầu giá trần hơn 1.3 triệu đơn vị được neo sẵn. HNX-Index đóng cửa phiên sáng giảm khá mạnh 0.88% về 70.77 điểm. Khối lượng đứng ở mức khá 20 triệu đơn vị, giá trị 180.04 tỷ đồng.

Áp lực bán tăng mạnh trên các mã đầu cơ khiến cho chỉ số không thể tăng mạnh, thậm chí có lúc giảm hơn 1%, khi bên mua cũng suy đoán được và trở nên cẩn trọng. Lực cầu giá cao ở hàng loạt mã chỉ đầu như VND, VCG, KLS, HBB, SHB, SHS... đồng loạt thoái lui hay chỉ cầm cự ở tham chiếu. Duy chỉ có AVS, BVS duy trì đà tăng, và lực cầu giá trần tại APS neo sẵn ngay từ đầu phiên. Cuối phiên, HNX-Index giảm nhẹ 0.52% về 71.03 điểm. Khối lượng cũng chỉ ở mức trung bình 32.6 triệu đơn vị, giảm hơn 10% so với hôm qua.



## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 10 cổ phiếu tăng giá, 5 cổ phiếu đứng giá và 13 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PPE (tăng 6,52%). Cổ phiếu giảm nhiều nhất là PCG (giảm 6,56%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,02% và tổng khối lượng giao dịch đạt 9,06 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 18/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,700.0	300	↓ -6.56	0.50	15.41	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,500.0	6,400	→ 0.00	0.34	31.82	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,900.0	170,000	→ 0.00	0.29	0.48	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	21,100.0	731,500	↓ -0.94	1.73	1.40	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,500.0	57,000	↓ -2.06	0.88	6.01	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,900.0	300	↑ 6.52	0.45	2.71	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,900.0	29,400	↓ -2.00	0.48	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,400.0	63,020	↓ -1.37	0.86	2.15	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	11,000.0	13,259	↓ -1.79	1.93	5.02	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,000.0	203,800	↓ -1.79	0.71	7.91	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,600.0	15,037	↑ 1.22	0.71	8.38	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,700.0	200	↓ -1.72	0.55	2.68	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,700.0	341,535	↓ -1.26	1.33	4.20	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9,200.0	3,546,026	↓ -3.16	0.41	3.46	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,400.0	146,560	↑ 0.26	3.10	12.31	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	35,400.0	460,120	↑ 1.14	2.12	5.72	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,500.0	7,710	→ 0.00	1.22	3.22	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,300.0	36,850	→ 0.00	0.63	5.33	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,200.0	189,190	↓ -0.81	0.70	3.00	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	33,600.0	10,550	↑ 1.20	1.64	4.75	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,800.0	411,900	↑ 2.13	0.47	3.72	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,500.0	79,030	↓ -0.86	1.17	6.78	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,700.0	1,262,020	↑ 3.25	1.12	16.08	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,500.0	1,040,880	↑ 3.77	0.56	50.00	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,100.0	134,570	↑ 3.39	0.58	4.07	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5,800.0	49,270	→ 0.00	0.53	3.02	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,800.0	50,180	↓ -0.92	0.82	3.24	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,900.0	5,710	↑ 1.72	0.54	3.88	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	20,700	20,900	0.97	37,181,371
REE	17,000	17,400	2.35	32,522,683
CSM	25,300	26,400	4.35	28,390,162
SAM	7,700	8,000	3.90	25,850,826
BVH	43,000	43,600	1.40	23,026,822

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	9,500	9,200	-3.16	33,181
SCR	10,200	10,100	-0.98	24,014
KLS	9,700	9,600	-1.03	19,920
SVN	41,800	41,800	0.00	18,975
PGS	21,300	21,100	-0.94	15,201

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
CII	28,100	29,500	1,400	4.98
BMC	50,500	53,000	2,500	4.95
PGC	10,100	10,600	500	4.95
SVC	10,400	10,900	500	4.81
GIL	41,600	43,600	2,000	4.81

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
S55	19,100	20,400	1,300	6.81
INC	4,600	4,900	300	6.52
PPE	4,600	4,900	300	6.52
AME	3,100	3,300	200	6.45
BTH	6,200	6,600	400	6.45

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SRF	24,000	22,800	-1,200	-5.00
LHG	16,500	15,700	-800	-4.85
ALP	8,500	8,100	-400	-4.71
SEC	23,400	22,300	-1,100	-4.70
HTI	8,800	8,400	-400	-4.55

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
LDP	25,000	23,300	-1,700	-6.80
D11	19,800	18,500	-1,300	-6.57
NHA	6,100	5,700	-400	-6.56
PCG	6,100	5,700	-400	-6.56
CVN	6,200	5,800	-400	-6.45

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
REE	17,240	BVH	12,297
BVH	11,001	HAG	5,602
HAG	7,920	FPT	5,193
GAS	5,221	MSN	3,920
FPT	4,972	HSG	2,705

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DBC	2,942	DBC	2,506
DHL	2,175	BVS	1,535
CTS	604	AAA	1,028
PGS	418	SDT	615
SD7	142	PGS	428

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888

## CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



**PSI**

*Trụ sở chính:*

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

*Chi nhánh Hải Phòng*

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

*Chi nhánh TP.HCM:*

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339